

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2006/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH**Về phương thức thu Giá phục vụ hành khách đi chuyến bay quốc tế
tại các cảng hàng không Việt Nam****BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 13/2006/QĐ-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính về giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không;

Căn cứ Văn bản số 2107/VPCP-CCHC ngày 20 tháng 4 năm 2006 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về xử lý vướng mắc liên quan đến thủ tục hành chính tại các cảng hàng không;

Căn cứ Văn bản số 8089/BTC-QLG ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến về thu giá phục vụ hành khách quốc tế vào giá vé máy bay;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giá phục vụ hành khách đi chuyến bay quốc tế được thu qua các Hãng

hàng không khai thác đến và đi từ Việt Nam. Hành khách thanh toán giá phục vụ hành khách cùng với giá cước vận chuyển hàng không.

Điều 2. Mức thu thực hiện theo Quyết định số 13/2006/QĐ-BTC ngày 13/3/2006 của Bộ Tài chính về Giá phục vụ hành khách đi chuyến bay quốc tế tại cảng hàng không Việt Nam. Cụ thể:

Cảng hàng không	Mức giá (USD/hành khách)
Nội Bài (Hà Nội), Tân Sơn Nhất (Tp Hồ Chí Minh)	14
Cảng hàng không khác	8

Điều 3. Đối tượng miễn thu

- Hành khách quá cảnh trong vòng 24 giờ;
- Thành viên tổ bay (kể cả trường hợp chuyển sân);
- Trẻ em dưới 2 tuổi (tính tại thời điểm khởi hành chặng đầu tiên).

Điều 4. Đối tượng giảm giá.

Trẻ em từ 2 đến 12 tuổi (tính tại thời điểm khởi hành chặng đầu tiên): Thu bằng 50% mức giá tại Điều 2.

Điều 5. Thanh toán.

1. Các Hãng hàng không thanh toán tiền thu giá phục vụ hành khách đi chuyến bay quốc tế cho doanh nghiệp khai thác cảng hàng không theo tháng (chi phí chuyển tiền do bên chuyển tiền chịu).

2. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VND) hoặc Đô la Mỹ (USD). Việc thanh toán thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý ngoại tệ của Nhà nước Việt Nam. Tỷ giá thanh toán là tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán.

3. Căn cứ thanh toán là “Thông báo thu” do doanh nghiệp khai thác cảng hàng không lập trên cơ sở Danh sách hành khách (Passenger Manifest) của các chuyến bay. Số tiền trong “Thông báo thu” được xác định theo công thức:

Số tiền phải trả theo "Thông báo thu"	=	Số tiền thu được từ khách người lớn	+	Số tiền thu được từ khách trẻ em	+	Tiền phạt chậm trả của tháng trước (nếu có)	+	Số tiền thừa (-) thiếu (+) đã được đối chiếu xác minh	-	Chi phí hoa hồng thu hộ
---------------------------------------	---	-------------------------------------	---	----------------------------------	---	---	---	---	---	-------------------------

Trong đó:

a) Số tiền thu được từ khách người lớn được xác định như sau:

$$\text{Số tiền thu được từ khách người lớn} = \text{Mức thu quy định tại Điều 2} \times \left[\begin{array}{l} \text{Số khách trong} \\ \text{Danh sách hành} \\ \text{khách (Passenger} \\ \text{Manifest)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số khách} \\ \text{thuộc diện} \\ \text{miễn thu,} \\ \text{giảm giá} \end{array} \right]$$

b) Số tiền thu được từ khách trẻ em được xác định như sau:

$$\text{Số tiền thu được từ khách trẻ em} = \text{Mức thu quy định tại Điều 4} \times \left[\begin{array}{l} \text{Số khách thuộc} \\ \text{diện miễn thu,} \\ \text{giảm giá} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số khách} \\ \text{thuộc diện} \\ \text{miễn thu} \end{array} \right]$$

c) Chi phí hoa hồng thu hộ: Hoa hồng thu hộ được xác định theo tỷ lệ 2% trên số tiền thanh toán hàng tháng của Hãng hàng không cho mỗi kỳ thanh toán giá phục vụ hành khách. Công thức:

$$\text{Chi phí hoa hồng thu hộ} = 2\% \times \left[\begin{array}{l} \text{Số tiền thu} \\ \text{được từ khách} \\ \text{người lớn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số tiền thu} \\ \text{được từ} \\ \text{khách trẻ em} \end{array} \right]$$

d) Số tiền thừa (-) thiếu (+) đã được đối chiếu xác minh.

Các Hãng hàng không có quyền đề nghị đối chiếu, xác minh nếu phát hiện có sai sót, nhầm lẫn trong "Thông báo thu". Việc đối chiếu, xác minh và thanh toán lại số tiền chênh lệch (nếu có) được thực hiện ngay trong kỳ liền sau kỳ thanh toán có khiếu nại.

e) Tài liệu chứng minh đối tượng thuộc diện miễn thu, giảm giá:

+ Đối tượng quy định tại Mục 1 Điều 3: Bản photocopy mặt vé thể hiện là hành khách quá cảnh (Transit) tại Việt Nam.

+ Đối tượng quy định tại Mục 2 Điều 3: Bản photocopy mặt vé có ghi rõ tổ bay chuyển sân (Cabin positioning).

+ Đối tượng miễn giảm khác: Căn cứ Danh sách hành khách (Passenger Manifest).

4. Việc thanh toán giữa doanh nghiệp khai thác cảng hàng không và Hãng hàng không thực hiện theo hợp đồng ký kết giữa hai bên trong đó quy định chi tiết về thời gian và hình thức thanh toán, cách thức và thời hạn phạt chậm thanh toán.

Mức phạt chậm thanh toán áp dụng là 0,5% số tiền chậm thanh toán cho mỗi ngày.

Điều 6. Trách nhiệm của các Hãng hàng không.

1. Thực hiện thu giá phục vụ hành khách theo mức thu và đối tượng miễn, giảm đã quy định tại Điều 2, 3, 4.

2. Thanh toán cho các doanh nghiệp khai thác cảng hàng không số tiền thu giá phục vụ hành khách đi chuyến bay quốc tế phải trả của tháng ghi tại “Thông báo thu” theo quy định tại Điều 5 và hợp đồng ký kết giữa Hãng hàng không và doanh nghiệp khai thác cảng hàng không.

3. Cung cấp đầy đủ Danh sách hành khách (Passenger Manifest) và các tài liệu chứng minh đối tượng miễn thu, giảm giá theo yêu cầu của các doanh nghiệp khai thác cảng hàng không.

Điều 7. Trách nhiệm của các doanh nghiệp khai thác cảng hàng không.

1. Lập và gửi “Thông báo thu” cho các Hãng hàng không liên quan theo quy định tại Điều 5 và hợp đồng ký kết giữa Hãng hàng không và doanh nghiệp khai thác cảng hàng không.

2. Kiểm soát, đối chiếu thanh toán tiền thu giá phục vụ hành khách với các Hãng hàng không.

3. Phối hợp và giải quyết kịp thời các yêu cầu đối chiếu, xác minh của các Hãng hàng không về số thu phục vụ hành khách (nếu có).

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/11/2006.

Điều 9. Quy trình thu trong thời gian chuyển đổi.

1. Trong vòng 01 năm (từ 01/11/2006 - 01/11/2007), các doanh nghiệp khai thác

cảng hàng không tổ chức thu bổ sung giá phục vụ hành khách đối với những hành khách đi chuyến bay quốc tế sử dụng vé mua trước ngày 01/11/2006.

2. Các Hãng hàng không chỉ làm thủ tục hàng không (check-in) cho hành khách đi tàu bay bằng vé mua trước ngày 01/11/2006 đã mua bổ sung giá phục vụ hành khách tại các quầy thu của Cảng hàng không.

3. Doanh nghiệp khai thác cảng hàng không có trách nhiệm xác nhận số khách mua bổ sung giá phục vụ hành khách với các hãng hàng không theo từng chuyến bay. Số liệu này là căn cứ để xác định số tiền được khấu trừ trong số tiền phải trả của các Hãng hàng không theo kỳ thanh toán.

Điều 10. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam; Tổng giám đốc các doanh nghiệp khai thác cảng hàng không; các Hãng hàng không khai thác vận chuyên hành khách tại các Cảng hàng không Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Sâm